HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 128 /2019/NQ-HĐND	*Lâm Đồng, ngày 10 tháng 7 năm 2019*

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 140/2015/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Đề án thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Lâm Đồng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Xét Tờ trình số 3771/TTr-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 140/2015/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Đề án thành lập Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Lâm Đồng; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 140/2015/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Đề án thành lập Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Lâm Đồng

1. Khoản 1 Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"1. Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Lâm Đồng (sau đây gọi tắt là Quỹ) là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn; thực hiện chức năng cấp bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 03 năm 2018 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (sau đây gọi tắt là Nghị định số 34/2018/NĐ-CP) và pháp luật có liên quan. Quỹ hoạt động theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Quỹ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có báo cáo tài chính riêng, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Quỹ có thu nhập từ hoạt động do thực hiện nhiệm vụ bảo lãnh tín dụng theo quy định tại Nghị định số 34/2018/NĐ-CP được miễn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp. Trường hợp Quỹ có thu nhập từ hoạt động khác ngoài hoạt động bảo lãnh tín dụng thì phải nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế."

2. Khoản 4 Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"4. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ được hình thành từ các nguồn sau:

a) Vốn chủ sở hữu:

- Vốn điều lệ do ngân sách tỉnh cấp: 100 tỷ đồng.

- Vốn bổ sung từ kết quả hoạt động của Quỹ theo quy định;

- Vốn hình thành từ các khoản tài trợ, viện trợ, đóng góp không phải hoàn trả của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước dành cho Quỹ;

- Vốn nhà nước khác theo quy định của pháp luật;

- Các nguồn vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

b) Vốn huy động: Vốn huy động từ các tổ chức tài chính, tín dụng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Quỹ bảo đảm phù hợp với khả năng hoàn trả của Quỹ.

c) Các khoản vốn khác gồm:

- Vốn nhận ủy thác của chính quyền địa phương, các quỹ tài chính địa phương, các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước (bên ủy thác) để thực hiện yêu cầu của bên nhận ủy thác theo quy định của pháp luật và Nghị định số 34/2018/NĐ-CP;

- Các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật."

3. Khoản 5 Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"5. Đối tượng được cấp bảo lãnh tín dụng:

a) Đối tượng được Quỹ cấp bảo lãnh tín dụng là các doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các văn bản hướng dẫn, có tiềm năng phát triển nhưng chưa đủ điều kiện tiếp cận tín dụng ngân hàng ở các lĩnh vực được ưu tiên cấp tín dụng theo quy định tại Nghị định số 34/2018/NĐ-CP.

b) Các doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn để đầu tư, sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực sau sẽ được ưu tiên xem xét cấp bảo lãnh tín dụng:

- Các lĩnh vực được ưu tiên cấp tín dụng theo hướng dẫn của Ngân hàng nhà nước Việt Nam trong từng thời kỳ;

- Các lĩnh vực hoặc dự án thuộc lĩnh vực ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong từng thời kỳ."

4. Khoản 6 Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"6. Điều kiện để được cấp bảo lãnh tín dụng:

Các đối tượng được bảo lãnh tín dụng quy định tại khoản 5 Điều này được Quỹ xem xét cấp bảo lãnh khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Có dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh có hiệu quả, có khả năng hoàn trả vốn vay.

b) Dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh được Quỹ thẩm định và quyết định bảo lãnh theo quy định tại Nghị định số 34/2018/NĐ-CP.

c) Có phương án về vốn chủ sở hữu tối thiểu 20% tham gia dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh tại thời điểm Quỹ thẩm định để xem xét cấp bảo lãnh.

d) Tại thời điểm đề nghị bảo lãnh, doanh nghiệp không có các khoản nợ thuế từ 01 năm trở lên theo Luật quản lý thuế và nợ xấu tại các tổ chức tín dụng. Trường hợp nợ thuế do nguyên nhân khách quan, doanh nghiệp phải có xác nhận của cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

e) Có biện pháp bảo đảm cho bảo lãnh vay vốn gồm:

- Quyền tài sản, tài sản hiện có hoặc tài sản hình thành trong tương lai thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp được xem xét cấp bảo lãnh tín dụng hoặc tài sản hiện có của bên thứ ba;

- Dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh khả thi, đảm bảo khả năng trả nợ của doanh nghiệp được xem xét cấp bảo lãnh tín dụng theo đánh giá của Quỹ;

- Xếp hạng tín nhiệm của doanh nghiệp được xem xét cấp bảo lãnh tín dụng theo đánh giá xếp hạng của Quỹ là doanh nghiệp đảm bảo khả năng trả nợ cho khoản vay tại tổ chức cho vay."

5. Khoản 7 Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"7. Phạm vi bảo lãnh tín dụng:

a) Quỹ xem xét cấp bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tối đa bằng 100% giá trị khoản vay (bao gồm cả vốn lưu động và vốn trung, dài hạn) tại tổ chức cho vay. Căn cứ vào tính khả thi, mức độ rủi ro của doanh nghiệp, dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh và khả năng tài chính của Quỹ, Quỹ xem xét, quyết định cụ thể mức bảo lãnh cho doanh nghiệp.

b) Bảo lãnh của Quỹ bao gồm một trong các trường hợp sau đây:

- Bảo lãnh nghĩa vụ trả nợ gốc khoản vay của bên được bảo lãnh tại các tổ chức cho vay;

- Bảo lãnh nghĩa vụ trả lãi khoản vay của bên được bảo lãnh tại các tổ chức cho vay;

- Bảo lãnh nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi khoản vay của bên được bảo lãnh tại các tổ chức cho vay và phải được quy định cụ thể tại hợp đồng bảo lãnh tín dụng.

c) Căn cứ vào khả năng tài chính, quản trị điều hành của Quỹ, tính khả thi và mức độ rủi ro của dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh, Quỹ xem xét, quyết định phạm vi bảo lãnh tín dụng quy định tại điểm b khoản 7 Điều này và phải được quy định cụ thể tại hợp đồng bảo lãnh tín dụng."

6. Khoản 8 Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"8. Giới hạn cấp bảo lãnh tín dụng:

a) Giới hạn bảo lãnh vay vốn đầu tư: Tổng mức bảo lãnh tín dụng của Quỹ tính trên vốn điều lệ thực có của Quỹ nhưng không vượt quá 15% đối với một khách hàng và không vượt quá 20% đối với một khách hàng và người có liên quan.

b) Giới hạn bảo lãnh vay vốn lưu động: Ngoài quy định về giới hạn bảo lãnh vay vốn tại điểm a khoản 8 Điều này, giới hạn bảo lãnh vay vốn lưu động của Quỹ tối đa không vượt quá vốn chủ sở hữu của khách hàng thể hiện tại báo cáo tài chính của doanh nghiệp nộp cho cơ quan quản lý thuế của năm trước liền kề.

c) Tổng mức bảo lãnh tín dụng của Quỹ cho các bên được bảo lãnh quy định tại điểm a và điểm b khoản 8 Điều này tối đa không vượt quá 03 lần vốn điều lệ thực có của Quỹ."

7. Khoản 11 Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"11. Cơ cấu tổ chức quản lý và hoạt động của Quỹ gồm có:

a) Chủ tịch Quỹ.

b) Kiểm soát viên.

c) Ban điều hành.

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định lựa chọn phương thức tổ chức, hoạt động của Quỹ phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, đảm bảo hiệu quả và phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ theo quy định."

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; trong đó, bố trí ngân sách tỉnh để cấp bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ theo đúng thời hạn quy định tại khoản 4 Điều 64 Nghị định số 34/2018/NĐ-CP.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng Khóa IX, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 7 năm 2019./.

Nơi nhận:
- UBTVQH, Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Các bộ: Tài chính, Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT: TU, HĐND, UBMTTQVN tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Lâm Đồng;
- Đại biểu HĐND tỉnh Khóa IX;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH , HĐND và UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Lâm Đồng;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Chi cục VT, LT;
- Trang TTTĐT HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Trần Đức Quận